

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2026
V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Danh Dũng- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử số 2, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2025 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng; sinh ngày 16/6/1991; căn cước số 042191012385; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đại Yên, xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Đức L; sinh ngày 17/12/1993; căn cước số 042093015338; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đại Yên, xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Thái Lan (vắng mặt)

3. Người tham gia tố tụng khác: Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn Đại Yên, xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2025, bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị Ng cũng như các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đức L đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Mỹ, huyện L Hà (**nay là xã Mai Phụ**), tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu sự tin tưởng

nhau. Từ năm 2022 anh L đi lao động tại nước ngoài và vợ chồng cắt đứt liên lạc. Nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh xét xử cho chị được ly hôn với anh Lê Đức L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Họ và tên: Lê Thiên Ân, sinh ngày 27/9/2013 và Lê Hana, sinh ngày 23/4/2017. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Hana, giao con chung Lê Thiên Ân cho anh Lê Đức L chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh L chưa về nước chị đồng ý để bà Lê Thị H (là mẹ đẻ của anh L) thay anh L chăm sóc con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không ai phải thực hiện nghĩa vụ với ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Lê Thiên Ân có đơn nguyện vọng được ở với bố và bà nội; con chung Lê Hana có đơn nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh đã hai lần thông qua người nhà anh Lê Đức L là bà Lê Thị H yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh L tại nước ngoài để Tòa án thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng nhưng bà từ chối cung cấp địa chỉ; chỉ cung cấp các thông tin sau: Vợ chồng anh L, chị Ng được gia đình bà tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Vợ chồng sinh sống cùng nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bà không rõ. Hiện tại anh Lê Đức L đang lao động tự do tại Thái Lan, vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua điện thoại, bà đã thông báo cho anh L biết các văn bản Tòa án giao gửi và anh L có nêu quan điểm đồng ý ly hôn với chị Ng và nhờ bà nuôi dưỡng cháu Lê Thiên Ân thay cho anh. Anh chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn cũng không gửi được văn bản giấy tờ về. Về con chung của Ng-L: có 02 con chung. Cháu Lê Thiên Ân đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Lê Hana do chị Ng và ông bà ngoại nuôi dưỡng. Bà đồng ý nuôi dưỡng cháu Ân thay cho anh L và không có yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng này. Về tài sản chung, nợ chung của chị Ng - anh L theo bà biết là không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật áp dụng: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn

áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ng, xử cho chị Ng được ly hôn với anh L. Về con chung: Đề nghị giao con chung Lê Thiên Ân cho anh Lê Đức L nuôi dưỡng. Trong thời gian anh L chưa về nước thì bà Lê Thị H thay anh L chăm sóc cháu Ân. Giao con chung Lê H cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Lê Đức L có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại nước ngoài (đã xuất cảnh vào ngày 14/6/2022 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh). Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1- Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh địa chỉ, quan điểm đối với bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài và đã thông báo về thời gian tố tụng cho bị đơn anh Lê Đức L thông qua người thân và thông báo trên kênh VOV World của Đài tiếng nói Việt Nam.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên đây là phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đức L và chị Lê Thị Ng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã được ủy ban nhân dân xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2013. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh L và chị Ng là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh L - chị Ng thấy rằng: Theo trình bày của chị Ng và mẹ đẻ của anh L thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị Ng không còn tình cảm và mong muốn ly hôn. Anh L biết yêu cầu của chị Ng nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà thông qua người thân anh thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị Ng. Như vậy, vợ chồng đã không còn mong muốn gắn kết và thực tế hôn nhân của anh chị không còn tồn tại, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Lê Đức L.

[2.2] Quan hệ con chung: Con chung Lê Thiên Ân đang được bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có nguyện vọng ở với bố và bà nội. Con chung Lê Hằng được chị Ng và ông bà ngoại chăm sóc có nguyện vọng được ở với mẹ. Để không làm đảo lộn cuộc sống, môi trường học tập của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị Ng về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Người trực tiếp nuôi con khi ly hôn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Lê Đức L.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thiên Ân, sinh ngày 27/9/2013 cho anh Lê Đức L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh L chưa về nước thì bà Lê Thị H thay anh L chăm sóc cháu Ân. Giao con chung Lê Hana, sinh ngày 23/4/2017 cho chị Lê Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Ng phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm (chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000121 ngày 06/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực I- Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực I- Hà Tĩnh;
- UBND xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hạnh

